

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Địa chỉ: Nhà G1, số 491 đường Nguyễn Trãi,  
phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân,  
thành phố Hà Nội  
Mã số DN: 0100106440

Số: ..... /2019/LICOGI-CBTT

V/v CBTT Báo cáo tài chính riêng giữa  
niên độ (đã được soát xét)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2019

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**  
 Địa chỉ trụ sở chính: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân  
 Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
 Điện thoại: 043 8542 365  
 Fax: 043 8542 655  
 Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phan Thanh Hải  
 Địa chỉ: nhà G1, số 491 Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh  
 Xuân, thành phố Hà Nội  
 Điện thoại: 0905955896  
 Loại thông tin công bố:  24 giờ  72 giờ  bất thường  theo yêu cầu  
 định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

Tổng công ty LICOGI-CTCP công bố thông tin về Báo cáo Tài chính riêng giữa  
niên độ (đã được soát xét), cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**(Có Báo cáo chi tiết kèm theo).**

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty vào  
ngày 30/8/2019 tại đường dẫn: <http://www.licogi.com.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn  
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Ban TGD (để biết);
- Lưu VP HĐQT.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**



Phan Thanh Hải

**TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**CV số: *S.V.LCGI-Hà Nội*

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau Thuế  
TNDN 6 tháng đầu năm 2019- BCTC riêng  
đã soát xét so với số liệu trước kiểm toán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 30 tháng 8 năm 2019

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**  
**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty LICOGI-CTCP giải trình kết quả kinh doanh của Báo cáo tài chính riêng bán niên đã soát xét như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Số liệu 6th 2019 trước kiểm toán	Số liệu 6th 2019 sau kiểm toán	Biến động (%)
<b>1</b>	<b>Tổng thu nhập sau giảm trừ:</b>		<b>302.844</b>	<b>303.421</b>	<b>-0,2%</b>
	- Doanh thu hoạt động kinh doanh và hoạt động tài chính	Tr. đồng	302.841	303.418	-0,2%
	- Thu nhập khác	Tr. đồng	3	3	0%
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí:</b>	Tr. đồng	<b>302.418</b>	<b>301.746</b>	
	- Giá vốn	Tr. đồng	230.096	230.886	-0,3%
	- Chi phí tài chính	Tr. đồng	46.194	45.663	1,16%
	- Chi phí bán hàng	Tr. đồng	-		
	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	Tr. đồng	15.452	14.478	6,7%
	- Chi phí khác	Tr. đồng	10.675	10.718	-0,4%
<b>3</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	Tr. đồng	<b>426</b>	<b>1.675</b>	<b>75%</b>
<b>4</b>	<b>Thuế TNDN</b>	Tr. đồng	<b>-</b>		
<b>5</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	Tr. đồng	<b>426</b>	<b>1.675</b>	<b>75%</b>

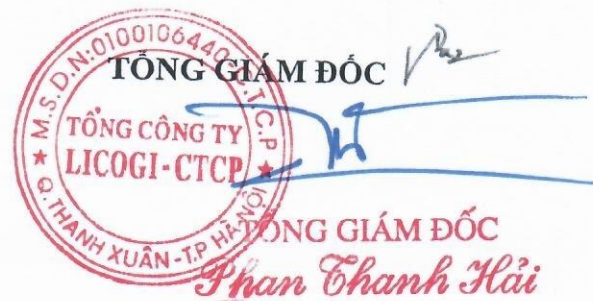
Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng bán niên đã soát xét tăng 1,2 tỷ đồng là do:

- Sau kiểm toán soát xét hạch toán bổ sung doanh thu hoạt động tài chính (thu cổ tức năm 2018 của Công ty CP đầu tư, xây lắp và VLXD Đông Anh) và hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Lưu VP HĐQT, TCKT





**TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**Số: 571/CV-LICOGI

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận sau Thuế  
TNDN 6 tháng đầu năm 2019-BCTC riêng  
đã soát xét so với cùng kỳ năm trước

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 3 tháng 8 năm 2019

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**  
**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Tổng Công ty LICOGI-CTCP giải trình kết quả kinh doanh của Báo cáo tài chính riêng bán niên đã soát xét như sau:

Nội dung	ĐVT	6 tháng đầu năm 2019	6 tháng đầu năm 2018	Biến động (%)
Doanh thu hoạt động kinh doanh và doanh thu HĐTC	Tr. đồng	303.418	157.649	92%
Tổng chi phí	Tr. đồng	291.028	146.127	99%
Thu nhập khác	Tr. đồng	3	-	100%
Chi phí khác	Tr. đồng	10.718	8.922	20%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	1.675	2.600	-36%
Thuế TNDN	Tr. đồng	-	-	
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	1.675	2.600	-36%

Lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2019 đã soát xét giảm 925 triệu đồng so với cùng kỳ năm trước là do:

- Tổng doanh thu 6 tháng đầu năm 2019 tăng 92% trong đó tổng chi phí tăng 99%.
- Chi phí khác 6 tháng đầu năm 2019 tăng 1,7 tỷ đồng tương ứng 20% do tăng chi phí khấu hao máy ngừng nghỉ và phạt chậm nộp thuế của Chi nhánh Licogi 1.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Lưu VPHĐQT, TCKT

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**TỔNG CÔNG TY LICOGI-CTCP**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Phan Thanh Hải*



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Số: 5.7.3. /CV-LICOGI

"V/v: Ý kiến kiểm toán ngoại trừ BCTC  
riêng đã soát xét 6 tháng đầu năm 2019"

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng năm 2019

**Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước**  
**- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện Thông tư số 155/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, ngày 30/8/2019 Tổng Công ty Licogi-CTCP đã thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính đã được soát xét bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC. Trên báo cáo tài chính soát xét, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ trên các cơ sở sau:

1. Trong năm 2016, trước khi bàn giao dự án sang Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, Tổng Công ty đã tính toán lại chi phí lãi vay của các năm trước và ghi nhận vốn hóa lãi vay cho dự án này vào Chỉ tiêu "Phải trả dài hạn khác" một khoản là 87,498 tỷ đồng. Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay" (VAS16), nếu Tổng Công ty ghi nhận theo VAS16, thì khoản phải thu từ Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi trên chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" và chỉ tiêu "Phải trả dài hạn khác" tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2019 và thời điểm 30 tháng 06 năm 2019 sẽ giảm 87,498 tỷ đồng.

Trong năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với giá trị lũy kế là 271,78 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi. Trong năm 2017, Tổng Công ty đã thực hiện sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.

Trong năm 2018 và 06 tháng năm 2019, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án với tổng giá trị vốn hóa lãi vay trong năm 2018 là 48,036 tỷ đồng và trong 06 tháng đầu năm 2019 là 16,69 tỷ đồng (Chi tiết tại thuyết minh số 08- "Phải thu khác").

Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên Chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS16). Do vậy, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty con", và "Phải thu ngắn hạn khác" tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 liên quan đến dự án này hay không.

2. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án KĐTMT Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng (TT228/TT-BTC). Nếu Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/TT-BTC thì chỉ tiêu "Đầu tư tài chính dài hạn" và chỉ tiêu "Lợi



nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 sẽ giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng.

3. Tại ngày 01/01/2019 và 30/06/2019, Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác đầy đủ và nghĩa vụ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau:

- Các khoản thuế và phải nộp nhà nước với số tiền là 13,57 tỷ đồng;
- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn và người mua trả tiền trước ngắn hạn với số tiền là: 34,48 tỷ đồng.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung các thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Lưu TCKT, VP HĐQT





# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019  
(đã được soát xét)



**NỘI DUNG**

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-06
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	07-50
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	07-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12-50





## TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty LICOGI - CTCP (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

## TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 10/07/2019
Ông Phan Thanh Hải	Phó Chủ tịch	
Ông Hoàng Quốc Quân	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 21/06/2019
Ông Nguyễn Thanh Hợp	Ủy viên	
Ông Ung Tiến Đỗ	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
Ông Đinh Việt Tùng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
Ông Nguyễn Danh Quân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Thanh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Danh Quân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Khắc Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Đức Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Lan Anh	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Khánh Phương	Trưởng ban	Bổ nhiệm trưởng ban kiểm soát ngày 21/06/2019
Bà Lê Thanh Huyền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 21/06/2019
Bà Nguyễn Thu Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019
Bà Kiều Bích Hoa	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 21/06/2019

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Tổng Công ty.



## TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Phan Thanh Hải**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2019



Số: 290819.005/BCTC.KT2

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty LICOGI - CTCP**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty LICOGI - CTCP được lập ngày 25 tháng 08 năm 2019, từ trang 07 đến trang 50, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 310319.001/BCTC.KT2 ngày 31 tháng 03 năm 2019 về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty Licogi - CTCP, Kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về một số vấn đề. Các vấn đề này tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 của Tổng Công ty, cụ thể như sau:

#### Dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt

1. Trong năm 2016, trước khi bàn giao dự án sang Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, Tổng Công ty đã tính toán lại chi phí lãi vay của các năm trước và ghi nhận vốn hóa lãi vay cho dự án này vào Chỉ tiêu "Phải trả dài hạn khác" một khoản là 87,49 tỷ đồng. Việc hạch toán này chưa tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 - "Chi phí đi vay" (VAS16), nếu Tổng Công ty ghi nhận theo VAS16, thì khoản phải thu từ Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi trên chỉ tiêu "Phải thu ngắn hạn khác" và chỉ tiêu "Phải trả dài hạn khác" tại thời điểm 01 tháng 01 năm 2019 và thời điểm 30 tháng 06 năm 2019 sẽ giảm 87,49 tỷ đồng.



2. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã thực hiện sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt với giá trị lũy kế là 271,78 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

Trong năm 2017, Tổng Công ty đã thực hiện sử dụng chi phí lãi vay vốn hóa vào dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt - hạng mục CT7 với giá trị lũy kế là 10,8 tỷ đồng làm một phần tài sản góp vốn khi thành lập Công ty con - Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2.

Trong năm 2018 và 06 tháng năm 2019, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án với tổng giá trị vốn hóa lãi vay trong năm 2018 là 48,036 tỷ đồng và trong 06 tháng đầu năm 2019 là 16,69 tỷ đồng (Chi tiết tại thuyết minh số 08- "Phải thu khác" phần thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ).

Vì dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt kéo dài nên Chúng tôi không thể thu thập được các thông tin cần thiết để xác định chi phí lãi vay vào dự án này theo Chuẩn mực kế toán số 16 - Chi phí đi vay (VAS16). Do vậy, chúng tôi không thể xác định được liệu có phải điều chỉnh số dư của các chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty con", và "Phải thu ngắn hạn khác" tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 liên quan đến dự án này hay không.

3. Tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, Công ty con- Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi không thực hiện đánh giá khả năng thu hồi của khoản tạm ứng cho Ban Quản lý dự án KĐTMT Thịnh Liệt với giá trị khoảng 55 tỷ đồng. Tổng Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ trích lập các khoản dự phòng. Nếu Tổng Công ty thực hiện trích lập dự phòng cho khoản đầu tư vào Công ty con này theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/TT-BTC thì chỉ tiêu "Đầu tư tài chính dài hạn" và chỉ tiêu "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" tại ngày 01 tháng 01 năm 2019 và tại ngày 30 tháng 06 năm 2019 sẽ giảm đi tương ứng khoảng 55 tỷ đồng.

#### *Các khoản phải trả*

Tại ngày 01/01/2019 và 30/06/2019, Tổng Công ty đang ghi nhận một số khoản nợ phải trả nhưng kiểm toán viên không thể thu thập được các tài liệu cần thiết để xác định tính hiện hữu, chính xác đầy đủ và nghĩa vụ của các khoản nợ phải trả này, cụ thể như sau:

- Các khoản thuế và phải nộp nhà nước với số tiền là 13,57 tỷ đồng;
- Các khoản phải trả người bán ngắn hạn và người mua trả tiền trước ngắn hạn với số tiền là: 34,48 tỷ đồng.

#### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ" chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty LICOGI - CTCP tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

1. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.101 tỷ đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ là 392,51 tỷ đồng chiếm 43,61% vốn điều lệ của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại đồng cổ đông thường niên, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Những sự kiện này cùng với các vấn đề khác nêu tại Thuyết minh số 2.3 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Tổng Công ty vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.



2. Chúng tôi xin lưu ý người đọc đến thuyết minh số 2.3 - Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng, theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP, do một số vướng mắc liên quan đến quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Ban Tổng giám đốc của Tổng công ty cũng lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 bao gồm công ty mẹ và các công ty con. Người sử dụng các báo cáo tài chính của Tổng Công ty - Công ty mẹ nên đọc các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 để có đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty.

Các vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi kết luận ngoại trừ nêu trên của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biên

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>891.240.359.785</b>	<b>808.267.618.299</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>4.851.971.636</b>	<b>11.750.487.921</b>
111	1. Tiền		4.851.971.636	11.750.487.921
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	<b>330.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	330.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>814.873.223.809</b>	<b>718.834.504.515</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	382.343.107.938	381.834.323.490
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	57.322.417.403	55.860.032.006
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	1.600.000.000	1.600.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	471.927.979.548	378.852.315.522
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(98.320.281.080)	(99.312.166.503)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>56.883.200.806</b>	<b>61.749.264.387</b>
141	1. Hàng tồn kho		58.142.583.365	63.008.646.946
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.259.382.559)	(1.259.382.559)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>14.631.963.534</b>	<b>15.603.361.476</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		243.534.049	594.592.735
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		14.027.945.879	14.675.254.018
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	360.483.606	333.514.723
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>1.940.060.813.168</b>	<b>1.956.686.601.369</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>160.506.615.037</b>	<b>172.633.775.107</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	160.506.615.037	172.633.775.107
222	- Nguyên giá		471.316.324.470	470.404.192.197
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(310.809.709.433)	(297.770.417.090)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>11</b>	<b>14.844.918.305</b>	<b>15.757.050.578</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		4.589.571.314	4.589.571.314
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		10.255.346.991	11.167.479.264
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>1.763.070.345.949</b>	<b>1.766.619.129.869</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con		1.414.237.997.000	1.414.237.997.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		356.363.654.969	356.363.654.969
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		59.260.545.400	59.260.545.400
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(66.791.851.420)	(63.243.067.500)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.638.933.877</b>	<b>1.676.645.815</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	1.638.933.877	1.676.645.815
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>2.831.301.172.953</b>	<b>2.764.954.219.668</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>2.323.815.187.279</b>	<b>2.259.143.035.642</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>1.992.213.160.160</b>	<b>1.921.271.131.227</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	496.051.715.101	486.022.434.253
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	50.447.732.910	54.054.964.620
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	45.947.119.568	45.250.444.751
314	4. Phải trả người lao động		9.519.724.859	6.926.604.639
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	117.453.648.924	103.506.819.401
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	47.561.111.008	39.274.645.609
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	1.224.879.785.546	1.185.872.395.710
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		352.322.244	362.822.244
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>331.602.027.119</b>	<b>337.871.904.415</b>
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	2.674.360.088	2.002.430.188
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	312.498.564.715	312.498.564.715
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	16.429.102.316	23.370.909.512
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>507.485.985.674</b>	<b>505.811.184.026</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>507.485.985.674</b>	<b>505.811.184.026</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		900.000.000.000	900.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		900.000.000.000	900.000.000.000
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(392.514.014.326)	(394.188.815.974)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(394.188.815.974)	(397.408.213.710)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		1.674.801.648	3.219.397.736
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>2.831.301.172.953</b>	<b>2.764.954.219.668</b>

Trần Thị Thu Hằng  
Người lậpNguyễn Anh Dũng  
Kế toán trưởngPhan Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2019

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	227.319.326.236	79.095.038.464
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		227.319.326.236	79.095.038.464
11	4. Giá vốn hàng bán	24	230.886.377.897	79.470.192.364
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(3.567.051.661)	(375.153.900)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	76.098.710.612	78.554.610.337
22	7. Chi phí tài chính	26	45.663.231.816	48.008.028.879
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		42.114.447.896	48.283.441.826
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	14.478.359.899	18.649.094.245
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		12.390.067.236	11.522.333.313
31	11. Thu nhập khác		2.727.273	-
32	12. Chi phí khác	28	10.717.992.861	8.922.505.284
40	13. Lợi nhuận khác		(10.715.265.588)	(8.922.505.284)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.674.801.648	2.599.828.029
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.674.801.648</u>	<u>2.599.828.029</u>


Trần Thị Thu Hằng  
Người lập

Nguyễn Anh Dũng  
Kế toán trưởng

Phan Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2019



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2019 VND	06 tháng đầu năm 2018 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.674.801.648	2.599.828.029
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		13.039.292.343	14.561.843.979
03	- Các khoản dự phòng		2.556.898.497	(1.444.094.988)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(76.098.710.612)	(78.553.230.486)
06	- Chi phí lãi vay		42.114.447.896	48.283.441.826
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(16.713.270.228)	(14.552.211.640)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(39.108.009.865)	25.692.361.834
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		4.866.063.581	10.598.890.097
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		14.108.302.218	(66.861.195.653)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		388.770.624	2.757.099.924
14	- Tiền lãi vay đã trả		(23.605.681.117)	(54.669.407.766)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	390.842.547
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(10.500.000)	(74.044.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(60.074.324.787)	(96.717.664.657)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(187.354.546)
24	2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		330.000.000	-
25	3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(28.328.596.000)
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		20.780.225.862	79.196.164.286
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		21.110.225.862	50.680.213.740
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		544.256.031.894	425.843.441.296
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(512.190.449.254)	(342.884.198.998)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		32.065.582.640	82.959.242.298
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.898.516.285)	36.921.791.381

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.750.487.921	2.863.611.860
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>4.851.971.636</u>	<u>39.785.403.241</u>





Trần Thị Thu Hằng  
Người lậpNguyễn Anh Dũng  
Kế toán trưởngPhan Thanh Hải  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2019



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty LICOGI - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Xây dựng nền móng và Kỹ thuật hạ tầng được thành lập theo Quyết định số 998/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Xây dựng. Tổng Công ty chuyển đổi mô hình trở thành công ty cổ phần theo Quyết định số 2243/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cổ phần hóa Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng- Công ty TNHH MTV. Theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 thay đổi lần thứ 3 ngày 31/12/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần đổi tên từ Tổng Công ty xây dựng và Phát triển Hạ tầng - Công ty TNHH MTV thành Tổng Công ty LICOGI - CTCP với vốn điều lệ là 900.000.000.000 đồng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100106440 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/11/2010, thay đổi lần thứ 7 ngày 11/01/2018.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 900.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 là 900.000.000.000 đồng; trong đó 90.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng và phát triển kinh doanh các dự án bất động sản.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Thi công xây lắp: các công trình ngầm, các công trình thủy lợi (đê, đập, kênh mương, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu, ống dẫn, trạm bơm), thủy điện, nhiệt điện, buro điện, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp, các công trình đường dây, trạm biến áp điện, thi công và xử lý nền móng các loại công trình, khoan nổ mìn (Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Đầu tư kinh doanh phát triển các dự án về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, đầu tư và kinh doanh phát triển hạ tầng kỹ thuật, đầu tư xây dựng các công trình điện và kinh doanh điện thương phẩm; đầu tư và kinh doanh dịch vụ văn phòng, khách sạn, nhà nghỉ, du lịch và dịch vụ vui chơi giải trí, quản lý và khai thác các dịch vụ tổng hợp tại các khu đô thị mới, khu dân cư tập trung;
- Thi công xây lắp và tổng thầu thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông (đường bộ, cầu đường sắt, cầu đường bộ, sân bay, bến cảng, nhà ga, đường hầm);
- Nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao công nghệ mới trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật chuyên ngành, giáo dục định hướng đưa lao động và chuyên gia Việt Nam đi làm có thời hạn ở nước ngoài;
- Sản xuất kinh doanh và kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm cơ khí, vật tư, máy móc, thiết bị, nguyên nhiên liệu, các chủng loại vật liệu xây dựng, công nghệ xây dựng;



## TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

- Tư vấn đầu tư xây dựng bao gồm: quy hoạch, lập và thẩm định, dự án đầu tư xây dựng, khảo sát địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, thiết kế, lập tổng dự toán các công trình xây dựng, quản lý dự án, giám sát kỹ thuật thi công, tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế về thiết kế, thi công, xây lắp, cung cấp vật tư thiết bị; thí nghiệm, kiểm định chất lượng công trình (không bao gồm tư vấn pháp luật).

### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Đối với các hoạt động xây dựng của Tổng Công ty có chu kỳ sản xuất kinh doanh thường kéo dài trên 12 tháng. Các hoạt động khác có chu kỳ kinh doanh thường kéo dài dưới 12 tháng.

### Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Tổng Công ty	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng.
Chi nhánh LICOGI Số 1	Hà Nội	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng.
Chi nhánh Vật liệu Xây dựng LICOGI	Hà Nội	Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

## 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.



**2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Tổng Công ty chính thức trở thành Công ty cổ phần từ ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019, Tổng Công ty đã nhận được phê duyệt từ các cơ quan có thẩm quyền theo Quyết định số 1456/QĐ-BXD ngày 12 tháng 11 năm 2018 về giá trị thực tế vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng và Phát triển hạ tầng thành Tổng Công ty Licogi - CTCP và đã thực hiện điều chỉnh số liệu trên báo cáo tài chính.

Tuy nhiên, do một số vướng mắc của quy định pháp lý liên quan đến khoản chi phí cơ hội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị mới Thịnh Liệt giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông và tình hình thực tế triển khai dự án nên giá trị quyết toán bàn giao không bao gồm chi phí cơ hội. Chi phí cơ hội này sẽ được tính riêng sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính Phủ và Tổng Công ty có trách nhiệm nộp trực tiếp về Quỹ hỗ trợ và Phát triển doanh nghiệp sau khi được xác định chính thức.

Tại ngày 30/06/2019, tổng nợ ngắn hạn của Tổng công ty vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.101 tỷ đồng, lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán riêng là 392,51 tỷ đồng chiếm 43,6% vốn điều lệ. Những vấn đề này là dấu hiệu cho thấy sự không chắc chắn mang tính chất trọng yếu về khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thực hiện tái cấu trúc Tổng Công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên, đồng thời có thể huy động được nguồn vốn từ các tổ chức tín dụng và từ các nguồn khác để thanh toán các khoản nợ đến hạn (nếu cần thiết) và duy trì nguồn vốn lưu động cần thiết để tiếp tục hoạt động trong tương lai gần. Do đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 06 năm 2019 của Tổng Công ty được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Tổng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

**2.4 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.



**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.6 . Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.7 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào Công ty con và Công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính hoặc Báo cáo tài chính hợp nhất (nếu đơn vị nhận đầu tư là Công ty mẹ) của Công ty con, Công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

## **2.8 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

## **2.9 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

### 2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm

### 2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

### 2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 03 năm.

### 2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

### 2.14 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

### 2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.



**2.16 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí sản xuất kinh doanh khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.17 . Doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

**2.18 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.19 . Doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

- Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **2.20 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

## **2.21 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.



## TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

### 2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Tổng Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

### 2.23 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

### 2.24 . Thông tin bộ phận

Do đặc thù của Tổng Công ty là hoạt động xây lắp và sản xuất, kinh doanh thương mại vật liệu xây dựng chiếm trên 90% tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đồng thời toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty đều diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Tổng Công ty không thực hiện lập và trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

## 3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Tiền mặt	VND 43.011.544	VND 122.616.158
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.808.960.092	11.627.871.763
	<u><u>4.851.971.636</u></u>	<u><u>11.750.487.921</u></u>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội;

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	30/06/2019		01/01/2019		
	Mã CK	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Đầu tư vào Công ty con</b>		<b>1.414.237.997.000</b>	<b>(50.899.145.348)</b>	<b>1.414.237.997.000</b>	<b>(42.988.621.128)</b>
- Công ty CP Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh	TDA	34.476.838.106	-	34.476.838.106	-
- Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	CKD	300.945.730.000	-	300.945.730.000	-
- Công ty CP Tư vấn Licogi		3.177.150.487	-	3.177.150.487	-
- Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	LG9	38.178.368.992	-	38.178.368.992	-
- Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	LQN	16.855.532.723	(5.287.142.190)	16.855.532.723	(3.027.098.077)
- Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10		10.110.056.968	-	10.110.056.968	-
- Công ty CP Licogi 15		6.593.800.000	(6.593.800.000)	6.593.800.000	(6.593.800.000)
- Công ty CP Licogi 17		10.393.670.213	(4.709.107.826)	10.393.670.213	(518.723.051)
- Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20		22.571.500.000	(22.571.500.000)	22.571.500.000	(22.571.500.000)
- Công ty CP Lắp máy Điện nước		10.277.500.000	(10.277.500.000)	10.277.500.000	(10.277.500.000)
- Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi		900.000.000.000	-	900.000.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2		60.657.849.511	(1.460.095.332)	60.657.849.511	-
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>		<b>356.363.654.969</b>	-	<b>356.363.654.969</b>	-
- Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	BHA	301.991.630.000	-	301.991.630.000	-
- Công ty CP Licogi 14	L14	52.372.956.000	-	52.372.956.000	-
- Công ty CP Licogi 19		1.999.068.969	-	1.999.068.969	-
		<b>1.770.601.651.969</b>	<b>(50.899.145.348)</b>	<b>1.770.601.651.969</b>	<b>(42.988.621.128)</b>

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Mã CK	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>59.260.545.400</b>		<b>59.260.545.400</b>	
- Công ty CP Licogi 12	7.895.068.192	3.759.210.000	7.895.068.192	2.386.800.000
- Công ty CP Licogi 13	25.001.671.600	13.587.865.000	25.001.671.600	10.598.534.700
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	10.530.000.000	13.365.000.000	10.530.000.000	14.580.000.000
- Công ty CP Thủy điện Đắkđrinh	13.753.805.608	(*)	13.753.805.608	(*)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO	780.000.000	1.860.000.000	780.000.000	930.000.000
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin - Licogi	1.000.000.000	(*)	1.000.000.000	(*)
- Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	300.000.000	(*)	300.000.000	(*)
	<b>59.260.545.400</b>	<b>(15.892.706.072)</b>	<b>59.260.545.400</b>	<b>(20.254.446.372)</b>

(\*) Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư tài chính**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 30/06/2019 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Đầu tư Xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh	Thành phố Hà Nội	51,85%	51,85%	Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Thành phố Hà Nội	89,06%	89,06%	Sản xuất, kinh doanh sản phẩm cơ khí
Công ty CP Tư vấn Licogi	Thành phố Hà Nội	60,00%	60,00%	Tư vấn đầu tư xây dựng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9 (Licogi 9)	Tỉnh Đồng Nai	51,00%	51,00%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	64,77%	64,77%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10 (Licogi 10)	Thành phố Đà Nẵng	57,71%	57,71%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 15	Tỉnh Thanh Hóa	64,65%	64,65%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 17	Tỉnh Hải Dương	56,33%	56,33%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20 (Licogi 20)	Thành phố Hà Nội	92,58%	92,58%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Lắp máy Điện nước - Licogi	Thành phố Hà Nội	89,92%	89,92%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị LICOGI	Thành phố Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 (Licogi 2)	Tỉnh Quảng Ninh	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty vào ngày 30/06/2019 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Tỉnh Lào Cai	44,11%	44,11%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty CP Licogi 14	Tỉnh Phú Thọ	26,42%	26,42%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 19	Thành phố Hà Nội	22,62%	22,62%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 34.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

 Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
 Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**Đầu tư vào đơn vị khác**

<u>Tên công ty nhận đầu tư</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Licogi 12 (Mã CK L12)	Thành phố Hà Nội	8,85%	8,85%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Licogi 13 (Mã CK LIG)	Thành phố Hà Nội	6,23%	6,23%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18 (Mã CK L18)	Thành phố Hà Nội	13,22%	13,22%	Thi công xây lắp, nền móng, hạ tầng
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	Tỉnh Quảng Ngãi	1,19%	1,19%	Sản xuất và kinh doanh điện
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí IDICO (Mã CK PXL)	Thành phố Hồ Chí Minh	0,09%	0,09%	Xây dựng công trình xây dựng
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Vinashin - Licogi	Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Hoạt động xây dựng chuyên dụng
Công ty CP Quản lý Dự án và Xây dựng Licogi	Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Xây dựng công trình dân dụng

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2019		01/01/2019	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>				
Ban quản lý dự án thủy điện 1	62.972.912.255	-	70.463.462.337	-
Ban quản lý dự án thủy điện 3	13.481.426.654	-	13.481.426.654	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	(21.261.594.839)	21.261.594.839	(21.261.594.839)
Công ty CP Thủy điện Đăkđrinh	85.352.281.460	-	98.406.629.152	-
BQL dự án nhà máy thủy điện Sơn La	19.056.893.000	-	18.911.229.000	-
Phải thu khách hàng khác	180.217.999.730	(17.606.723.221)	159.309.981.508	(17.543.207.115)
	<b><u>382.343.107.938</u></b>	<b><u>(38.868.318.060)</u></b>	<b><u>381.834.323.490</u></b>	<b><u>(38.804.801.954)</u></b>
<b>c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>				
	<b><u>45.391.022.570</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>37.427.950.914</u></b>	<b><u>-</u></b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Công ty CP Licogi 15	10.129.062.752	-	9.836.437.752	-
Công ty CP Lắp máy điện nước - Licogi	36.421.384.631	-	36.499.176.131	-
Công ty CP Licogi 19	3.695.789.577	(3.695.789.577)	3.695.789.577	(3.695.789.577)
Trả trước cho người bán khác	7.076.180.443	(2.783.603.751)	5.828.628.546	(1.680.755.467)
	<b>57.322.417.403</b>	<b>(6.479.393.328)</b>	<b>55.860.032.006</b>	<b>(5.376.545.044)</b>
<b>b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan</b>				
	<b>50.246.236.960</b>	<b>(3.695.789.577)</b>	<b>50.096.862.027</b>	<b>(3.695.789.577)</b>

*(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)***7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Lắp máy điện nước -	1.600.000.000	-	1.600.000.000	-
	<b>1.600.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>-</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay ngắn hạn:**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 05/2017/LICOGI-LMDN ngày 25/04/2017 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Số tiền cho vay: 1.600.000.000 đồng;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: thả nổi theo lãi suất ngân hàng thương mại từng thời kỳ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.600.000.000 đồng;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Nợ phải thu gói thầu TB02 - Công trình thủy điện Bắc Hà từ Công ty CP cơ khí Đông Anh Licogi theo cam kết thanh toán ba bên số 1904/2017/LICOGI/LMĐN/CKĐA ngày 19/04/2017.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về cổ phần hóa	4.545.190.796	(3.624.299.293)	4.545.190.796	(3.624.299.293)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	57.526.004.750	-	2.207.520.000	-
Phải thu người lao động	4.218.583.856	-	3.670.823.407	-
Tạm ứng	24.321.497.582	(16.345.983.659)	20.203.561.627	(16.079.067.296)
Ký cược, ký quỹ	107.591.907	-	107.591.907	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	17.680.761.961	-	17.680.761.961	-
Phải thu Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	(5.886.042.000)	6.079.942.000	(5.878.768.023)
Tạm ứng cho các bên liên quan khác	18.610.760.617	(713.413.162)	16.761.821.376	(713.413.162)
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	232.435.076.147	-	216.666.127.822	-
Ban điều hành Nhà máy Công nghiệp tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	(25.493.403.949)	25.493.403.949	(25.493.403.949)
Phải thu lãi vay Dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt (**)	64.730.225.897	-	48.036.785.610	-
Phải thu khác	16.178.940.086	(909.427.629)	17.398.785.067	(3.341.867.782)
	<b><u>471.927.979.548</u></b>	<b><u>(52.972.569.692)</u></b>	<b><u>378.852.315.522</u></b>	<b><u>(55.130.819.505)</u></b>
<b>c) Phải thu khác là các bên liên quan</b>				
	<b><u>328.163.246.971</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>257.861.421.955</u></b>	<b><u>-</u></b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

(\*) Khoản phải thu liên quan đến bàn giao dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt và các khoản Tổng Công ty tạm ứng cho Công ty con để thực hiện dự án này.

(\*\*) Trong năm 2018 và 06 tháng năm 2019, Tổng Công ty tiếp tục vốn hóa lãi vay của các hợp đồng vay giải ngân với mục đích tài trợ cho dự án hoặc thanh toán nợ gốc cho dự án với tổng giá trị vốn hóa lãi vay trong năm 2018 là 48,036 tỷ đồng và trong 06 tháng đầu năm 2019 là 16,69 tỷ đồng nâng tổng giá trị khoản phải thu về chi phí lãi vay liên quan đến dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt là 64,7 tỷ đồng.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**9 . NỢ XẤU**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 8	21.261.594.839	-	21.261.594.839	-
- Công ty CP Phát triển & Đầu tư Đại Sơn	4.449.989.593	-	4.449.989.593	-
- Công ty Xây dựng số 19	8.033.502.032	-	8.033.502.032	-
- Ban điều hành Licogi tại Nhà máy Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	25.493.403.949	-	25.493.403.949	-
- Phải thu dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2	6.079.942.000	193.900.000	6.079.942.000	201.173.977
- Các khoản khác	33.734.864.809	539.116.142	34.926.205.649	731.297.582
	<b>99.053.297.222</b>	<b>733.016.142</b>	<b>100.244.638.062</b>	<b>932.471.559</b>

**10 . HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.089.043.206	(867.221.325)	2.000.916.448	(867.221.325)
Công cụ, dụng cụ	630.027.690	-	630.027.690	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	54.915.856.844	-	58.805.274.395	-
Thành phẩm	507.655.625	(392.161.234)	1.572.428.413	(392.161.234)
	<b>58.142.583.365</b>	<b>(1.259.382.559)</b>	<b>63.008.646.946</b>	<b>(1.259.382.559)</b>

(\*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí phát sinh của các công trình đang trong quá trình xây dựng dở dang. Chi tiết như sau:

	30-06-2019	01-01-2019
	VND	VND
- Dự án 423 Minh Khai	2.158.762.956	2.158.762.956
- Dự án tuyến đường sắt đô thị số 1 TP.HCM - Ba Son	12.783.441.365	12.775.661.365
- Công trình BIDV Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Gói 10	8.000.056.777	6.775.299.877
- Dự án tòa nhà hỗn hợp Thái Nguyên Tower	1.477.460.041	5.180.039.525
- Dự án khu dân cư & công viên Phước Thiện-Quận 9-TPHCM	4.102.773.707	2.995.626.449
- Các dự án khác	26.393.361.998	28.919.884.223
	<b>54.915.856.844</b>	<b>58.805.274.395</b>



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN****a) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2 <sup>(1)</sup>	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314	4.589.571.314
	<b>4.589.571.314</b>	<b>4.589.571.314</b>	<b>4.589.571.314</b>	<b>4.589.571.314</b>

*Ghi chú:*

(1) Đây là phần chi phí ban đầu để triển khai dự án, chưa có khối lượng thi công. Tổng Công ty đang trong quá trình chuyển giao chủ đầu tư mới là Công ty TNHH Thanh Bình (Thuyết minh số 19).

**b) Xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>10.255.346.991</b>	<b>11.167.479.264</b>
- Công trình xây dựng trụ sở làm việc văn phòng cho thuê tại Lô E7 đường Phạm Hùng <sup>(2)</sup>	9.671.801.536	9.671.801.536
- Công trình khác	583.545.455	1.495.677.728
	<b>10.255.346.991</b>	<b>11.167.479.264</b>

(2) Dự án đã được Sở Quy hoạch - Kiến trúc Hà Nội thông qua thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, phương án thiết kế công trình và có công văn giới thiệu địa điểm lô E6 - Phạm Hùng (8.450 m<sup>2</sup>) để Tổng Công ty thực hiện dự án vào ngày 03/01/2007.

Tổng Công ty đã đặt cọc tiền đất số tiền 8.450.000.000 đồng với giá 1.000.000 đồng/m<sup>2</sup> cho lô E6 - Phạm Hùng theo công văn số 2618/KH&ĐT-ĐT ngày 13/12/2006.

Ngày 10/08/2007, Sở Quy Hoạch - Kiến trúc Hà Nội đã điều chỉnh, bố trí lại vị trí xây dựng dự án từ lô E6 sang lô E7 (diện tích khoảng 6.500 m<sup>2</sup>) và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã chấp thuận về việc nghiên cứu lập dự án xây dựng trụ sở văn phòng tại khu đô thị mới Cầu Giấy theo công văn số 1987/QĐ - UBND ngày 11/11/2008.

Tới thời điểm hiện tại, dự án vẫn chưa tiếp tục được triển khai do các bên đầu tư cần phải điều chỉnh lại thiết kế và quy hoạch tổng thể, bổ sung một số chức năng. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang cố gắng thống nhất kế hoạch thực hiện để tiếp tục triển khai dự án.

**12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng	434.012.242	145.840.232
Chi phí sửa chữa cải tạo	951.496.737	1.030.674.012
Chi phí trả trước dài hạn khác	253.424.898	500.131.571
	<b>1.638.933.877</b>	<b>1.676.645.815</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Trãi, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**13 . TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>										
Số dư đầu năm	51.912.001.484	394.244.052.872	22.494.228.696	1.753.909.145	470.404.192.197					
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	912.132.273	-	-	912.132.273					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>51.912.001.484</b>	<b>395.156.185.145</b>	<b>22.494.228.696</b>	<b>1.753.909.145</b>	<b>471.316.324.470</b>					
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>										
Số dư đầu năm	40.249.307.863	235.647.266.915	20.548.735.445	1.325.106.867	297.770.417.090					
- Khấu hao trong kỳ	714.145.074	11.892.571.269	378.628.000	53.948.000	13.039.292.343					
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>40.963.452.937</b>	<b>247.539.838.184</b>	<b>20.927.363.445</b>	<b>1.379.054.867</b>	<b>310.809.709.433</b>					
<b>Giá trị còn lại</b>										
Tại ngày đầu năm	11.662.693.621	158.596.785.957	1.945.493.251	428.802.278	172.633.775.107					
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>10.948.548.547</b>	<b>147.616.346.961</b>	<b>1.566.865.251</b>	<b>374.854.278</b>	<b>160.506.615.037</b>					

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 140.490.637.637 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 172.386.774.388 đồng.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
<b>a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
- Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	66.077.244.968	66.077.244.968	59.139.648.044	59.139.648.044
- Công ty CP LICOGI 13	97.675.614.072	97.675.614.072	84.778.239.701	84.778.239.701
- Công ty CP LICOGI 16	41.244.903.354	41.244.903.354	44.518.436.687	44.518.436.687
- Công ty CP LICOGI 17	27.775.149.638	27.775.149.638	32.286.073.738	32.286.073.738
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18.1	23.268.242.113	23.268.242.113	22.943.507.113	22.943.507.113
- Công ty CP Kỹ thuật nền móng và Xây dựng 20	27.302.859.824	27.302.859.824	27.402.859.824	27.402.859.824
- Công ty CP Sông Đà 7	11.295.665.990	11.295.665.990	11.795.665.990	11.795.665.990
- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng số 18	19.984.864.545	19.984.864.545	19.984.864.545	19.984.864.545
- Công ty CP Sông Đà 505	14.063.938.615	14.063.938.615	17.267.637.266	17.267.637.266
- Phải trả các đối tượng khác	167.363.231.982	167.363.231.982	165.905.501.345	165.905.501.345
	<b>496.051.715.101</b>	<b>496.051.715.101</b>	<b>486.022.434.253</b>	<b>486.022.434.253</b>
<b>b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>				
- Ban điều hành dự án thủy điện Sơn La	3.071.182.691	3.071.182.691	3.071.182.691	3.071.182.691
- Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng số 18	19.984.864.545	19.984.864.545	19.984.864.545	19.984.864.545
- Công ty TNHH Hùng Hiệp	2.927.248.765	2.927.248.765	2.927.248.765	2.927.248.765
- Công ty TNHH nhà thép tiền chế ATAD	3.736.479.660	3.736.479.660	3.736.479.660	3.736.479.660
- Thủ phụ của Ban ĐH Dung Quất	12.376.483.794	12.376.483.794	12.376.483.794	12.376.483.794
- XN khai thác và chế biến đá XK An Giang	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610	3.236.951.610
- Công ty CP Kinh doanh VLXD - Vận tải Hà Nội	2.961.541.440	2.961.541.440	2.961.541.440	2.961.541.440
- Phải trả các đối tượng khác	33.016.239.470	33.016.239.470	33.016.239.470	33.016.239.470
	<b>81.310.991.975</b>	<b>81.310.991.975</b>	<b>81.310.991.975</b>	<b>81.310.991.975</b>
<b>c) Phải trả người bán là các bên liên quan</b>				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<b>150.974.365.354</b>	<b>150.974.365.354</b>	<b>152.526.515.514</b>	<b>152.526.515.514</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**15 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Người mua trả tiền trước chi tiết theo số dư lớn</b>		
- Công trình Nhà máy đóng tàu Dung Quất	5.246.722.907	5.246.722.907
- Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô - Dự án đê chắn sóng Dung Quất (Chi tiết dự án xem thêm tại <i>Thuyết minh số 32</i> )	30.707.123.540	30.707.123.540
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2	1.199.874.499	2.323.262.679
- Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	5.553.391.592	5.553.391.592
- Công ty Cổ phần thép Hoà Phát Dung Quất	2.607.425.713	6.035.933.373
- Người mua trả tiền trước khác	5.133.194.659	4.188.530.529
	<b>50.447.732.910</b>	<b>54.054.964.620</b>
<b>b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan</b>		
	<b>2.286.267.004</b>	<b>2.323.262.679</b>





**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019**16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	333.514.723		20.855.901.472		467.356.344		494.325.227		360.483.606		20.855.901.472	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.171.464.234		-		-		-		1.171.464.234	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		231.974.601		148.868.640		110.236.693		-		270.606.548	
Thuế Tài nguyên	-		172.296.949		542.300.953		647.668.700		-		66.929.202	
Thuế bảo vệ môi trường	-		84.516.800		245.687.660		270.333.460		-		59.851.000	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		22.734.290.695		793.019.617		4.943.200		-		23.522.367.112	
	<b>333.514.723</b>		<b>45.250.444.751</b>		<b>2.197.233.214</b>		<b>1.527.527.280</b>		<b>360.483.606</b>		<b>45.947.119.568</b>	

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGÂN HẠN**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	37.479.501.518	26.712.599.697
- Dự án 423 Minh Khai	2.038.494.431	2.038.494.431
- Công trình Suối Chăn 2	26.794.598.660	26.794.598.660
- Công trình đại học quốc gia	16.679.035.860	16.679.035.860
- Dự án 20 Cộng hòa	6.823.705.099	6.823.705.099
- Công trình Thủy điện Bản Chát	11.597.173.967	11.240.330.218
- Chi phí phải trả khác	16.041.139.389	13.218.055.436
	<b>117.453.648.924</b>	<b>103.506.819.401</b>

**18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước xuất khẩu lao động	2.674.360.088	2.002.430.188
	<b>2.674.360.088</b>	<b>2.002.430.188</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	68.714.425	68.714.425
- Kinh phí công đoàn	1.714.044.913	1.627.398.821
- Bảo hiểm xã hội	8.949.051.166	8.407.200.192
- Bảo hiểm y tế	743.979.212	699.313.492
- Bảo hiểm thất nghiệp	660.460.601	526.796.412
- Phải trả về cổ phần hoá	14.112.135.327	14.112.595.415
- Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	7.500.000.000	7.500.000.000
- Công ty CP Thủy điện Đakđrinh	1.377.818.141	1.377.818.141
- Công ty TNHH Thanh Bình (1)	2.500.000.000	2.500.000.000
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 (Chi phí lãi vay)	1.618.904.110	-
- Công ty CP đầu tư Xuân Cầu (Chi phí lãi vay)	6.122.960.848	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.193.042.265	2.454.808.711
	<b>47.561.111.008</b>	<b>39.274.645.609</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông (2)	60.000.000.000	60.000.000.000
- Phải trả lãi vay vốn hóa - Dự án KĐTMT Thịnh Liệt (3)	87.498.564.715	87.498.564.715
- Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương (4)	165.000.000.000	165.000.000.000
	<b>312.498.564.715</b>	<b>312.498.564.715</b>
<b>c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán</b>		
- Các khoản BHXH, BHYT, BHTT (5)	10.011.545.289	9.294.598.174
	<b>10.011.545.289</b>	<b>9.294.598.174</b>
<b>d) Phải trả khác là các bên liên quan</b>	<b>69.118.904.110</b>	<b>67.500.000.000</b>

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

(1) Đây là khoản tiền đặt cọc liên quan đến hoạt động chuyển nhượng Dự án Thủy điện Cẩm Thủy 2 với Tổng Công ty (đang được trình bày ở Thuyết minh số 11).

(2) Ngày 25/09/2014, Tổng Công ty đã ký hợp đồng nguyên tắc hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt với Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông, hiện là cổ đông lớn của Tổng Công ty. Đây là khoản đặt cọc của Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Khu Đông cho Tổng Công ty để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án Khu đô thị mới Thịnh Liệt.

(3) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và trước khi chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi, Tổng Công ty đã tiếp tục vốn hóa chi phí lãi vay vào dự án KĐTMT Thịnh Liệt và ghi nhận đối ứng với khoản mục phải trả dài hạn khác số tiền là 87,498 tỷ đồng.

(4) Khoản tiền Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương chuyển cho Tổng Công ty để bảo lãnh thực hiện hợp đồng liên quan đến thực hiện công tác giải phóng mặt bằng theo phụ lục hợp đồng số 18A/2017/HĐ-QLDA ngày 21/06/2017 ký kết giữa Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi và Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương. Hiện nay, Công ty TNHH Đầu tư và Tư vấn Hải Dương vẫn đang thực hiện các công việc như trong hợp đồng ký kết với Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi.

(5) Các khoản phải trả quá hạn chưa thanh toán chủ yếu là các khoản phải trả về bảo hiểm người lao động từ các chi nhánh đã dừng hoạt động chuyển sang.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**20 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2019		Trong kỳ		30/06/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>924.775.493.408</b>	<b>924.775.493.408</b>	<b>544.256.031.894</b>	<b>383.060.829.430</b>	<b>1.085.970.695.872</b>	<b>1.085.970.695.872</b>
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	463.671.213.038	463.671.213.038	236.892.422.732	228.773.723.168	471.789.912.602	471.789.912.602
- Vay ngắn hạn bên thứ ba	257.708.837.084	257.708.837.084	296.863.609.162	153.610.393.933	400.962.052.313	400.962.052.313
- Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI	71.378.730.957	71.378.730.957	-	-	71.378.730.957	71.378.730.957
- Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	20.676.712.329	20.676.712.329	-	676.712.329	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông	111.340.000.000	111.340.000.000	10.500.000.000	-	121.840.000.000	121.840.000.000
<b>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>261.096.902.302</b>	<b>261.096.902.302</b>	<b>6.941.807.196</b>	<b>129.129.619.824</b>	<b>138.909.089.674</b>	<b>138.909.089.674</b>
	<b>1.185.872.395.710</b>	<b>1.185.872.395.710</b>	<b>551.197.839.090</b>	<b>512.190.449.254</b>	<b>1.224.879.785.546</b>	<b>1.224.879.785.546</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Vay dài hạn	284.467.811.814	284.467.811.814	-	129.129.619.824	155.338.191.990	155.338.191.990
	<b>284.467.811.814</b>	<b>284.467.811.814</b>	<b>-</b>	<b>129.129.619.824</b>	<b>155.338.191.990</b>	<b>155.338.191.990</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(261.096.902.302)	(261.096.902.302)	(6.941.807.196)	(129.129.619.824)	(138.909.089.674)	(138.909.089.674)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>23.370.909.512</b>	<b>23.370.909.512</b>			<b>16.429.102.316</b>	<b>16.429.102.316</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng và bên liên quan**

Sst	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 30/06/2019 (VND)
<b>I</b>	<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lâm</b>						
1	Số 3120-LAV-201801842	110.000.000.000	9%/ năm	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động	- Hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS ngày 21/07/2016 và Phụ lục hợp đồng thế chấp số 01/2016/ĐS-PL01.2018 ngày 15/10/2018 ( thế chấp máy móc thiết bị). - Hợp đồng cầm cố cổ phiếu 2018-02/HĐCC ký ngày 15/10/2018( thế chấp cổ phiếu Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 18 thuộc sở hữu của Tổng Công ty LicoGi- CTCP	99.964.116.005 99.964.116.005
<b>II</b>	<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội</b>						
1	Số 1480-LAV-201800196	50.000.000.000	8,5%/ năm	10 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Tài sản đảm bảo là một số máy móc, thiết bị của Tổng công ty và các chi nhánh phụ thuộc	59.651.207.288 47.851.207.288
2	Số 1480-LAV-201500281	14.000.000.000	9,5%/năm	8 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp bằng tài sản thuộc quyền sở hữu của Tổng Công ty	11.800.000.000
<b>III</b>	<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ</b>						
1	Số 1506LAV-201801141	10.000.000.000	8%/ năm	9 tháng	Bổ sung vốn lưu động	Thế chấp bằng quyền khai thác mỏ đá với làm vật liệu xây dựng tại xã Trường Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa	7.561.348.500 7.561.348.500
<b>IV</b>	<b>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân</b>						
1	Số 01/2018/134627/HĐTD	500.000.000.000	9%/ năm	11 tháng	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Được đảm bảo bằng 10.009.700 cổ phiếu Công ty CP Cơ khí Đông Anh LicoGi và một số tài sản cố định khác	299.650.720.794 299.650.720.794



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCF**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**Thông tin chi tiết các khoản vay ngân hàng và bên liên quan**

SĐT	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 30/06/2019 (VND)
V	<b>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long</b>	80.000.000.000	8,5%/năm	9 tháng	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh	- Hợp đồng cầm cố cổ phần số 1300 - LCP - 201900526, số 1300 - LCP - 201900527, số 1300 - LCP - 201900528 và số 1300 - LCP - 201900529 ngày 23 tháng 04 năm 2019. - Hợp đồng thế chấp tài sản số 1300 - LCP - 201900524 ngày 23 tháng 04 năm 2019 (thế chấp máy khoan cọc nhồi Nippon Sharvo).	4.962.520.015 4.962.520.015
VI	<b>Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh LICOGI</b>						
1	Số 2509/2017/HDVV/LICOGI-CKDA ngày 25/09/2017 và phụ lục hợp đồng vay vốn số 2509/2017/HDVV/LICOGI-CKDA ngày 29/06/2018	61.000.000.000	9%/năm	6 tháng kể từ ngày 29/06/2018 theo phụ lục hợp đồng gia hạn	Bổ sung vốn lưu động	Quyền hưởng cổ tức năm 2017 (nếu có) của Tổng Công ty LICOGI - và số cổ phần tại Công ty Cổ phần LICOGI 14 mà Tổng Công ty LICOGI - CTCF sở hữu theo hợp đồng thế chấp cổ phần số 03/2017/134677 ngày 25/09/2017 và tất cả các khoản phải thu hợp pháp của Tổng Công ty LICOGI - CTCF	71.378.730.957 45.378.730.957
2	Số 20.06/2018/HDVV/LICOGI-CKDA ngày 20/06/2018	6.000.000.000	9%/năm	6 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay	Bổ sung vốn lưu động và trả nợ ngân hàng, tổ chức khác	Quyền hưởng cổ tức năm 2018 và 2019 (nếu có) của Tổng Công ty LICOGI - CTCF tại Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi và tất cả các khoản phải thu hợp pháp của Tổng Công ty LICOGI - CTCF	6.000.000.000
3	Số 3105/2018/HDVV/LICOGI-CKDA ngày 31/05/2018	20.000.000.000	9%/năm	6 tháng kể từ ngày bên cho vay chuyển tiền cho bên vay	Bổ sung vốn lưu động và trả nợ ngân hàng, tổ chức khác	Quyền hưởng cổ tức năm 2018 và 2019 (nếu có) của Tổng Công ty LICOGI - CTCF tại Công ty Cổ phần Cơ khí Đông Anh Licogi và tất cả các khoản phải thu hợp pháp của Tổng Công ty LICOGI - CTCF	20.000.000.000

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCF**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng và bên liên quan**

Stt	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VND)		Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 30/06/2019 (VND)
<b>VII Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2</b>								
1	Số 01/2018/HĐVV/LICOGI-LICOGI 2 ngày 22/08/2018 và phụ lục hợp đồng vay vốn số 02/2019/HĐVV/LICOGI-LICOGI 2 ngày 22/04/2019	20.000.000.000	20.000.000.000	9,5%/năm	9 tháng kể từ ngày 22/02/2019 theo phụ lục hợp đồng gia hạn	Bổ sung vốn lưu động	Quyền hưởng lợi nhuận được chia năm 2018, năm 2019 và các năm tiếp theo của Tổng Công ty LICOGI tại Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng LICOGI 2 và các nguồn thu hợp pháp khác của Tổng Công ty LICOGI.	20.000.000.000 20.000.000.000
<b>VIII Công ty TNHH Đầu tư và kinh doanh bất động sản Khu Đông</b>								
1	Số 2809/2018/HĐVV/LICOGI-KHUDONG ngày 28/09/2018	83.840.000.000	83.840.000.000	10%/năm	3 tháng kể từ ngày bắt đầu nhận toàn bộ khoản vay	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp	121.840.000.000 83.840.000.000
2	Số 2211/2018/HĐVV/LICOGI-KHUDONG ngày 22/11/2018	11.000.000.000	11.000.000.000	10%/năm	3 tháng kể từ ngày bắt đầu nhận toàn bộ khoản vay	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp	11.000.000.000
3	Số 2711/2018/HĐVV/LICOGI-KHUDONG ngày 27/11/2018	16.500.000.000	16.500.000.000	10%/năm	3 tháng kể từ ngày bắt đầu nhận toàn bộ khoản vay	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp	16.500.000.000
4	Số 03/2019/HĐVV/LICOGI-KHUDONG ngày 20/05/2019	5.500.000.000	5.500.000.000	9%/năm	3 tháng kể từ ngày bắt đầu nhận toàn bộ khoản vay	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp	5.500.000.000
5	Số 2406/2019/HĐVV/LICOGI-KHUDONG ngày 24/06/2019	5.000.000.000	5.000.000.000	9%/năm	3 tháng kể từ ngày bắt đầu nhận toàn bộ khoản vay	Bổ sung vốn lưu động	Tin chấp	5.000.000.000





**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**Thông tin chi tiết các khoản vay dài hạn các ngân hàng**

S/тт	Hợp đồng vay	Hạn mức tín dụng/số tiền cho vay (VNĐ)	Lãi suất	Kỳ hạn	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo	Số dư gốc vay tại ngày 30/06/2019	Nợ phải trả tới ngày 30/06/2020
<b>I Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân</b>								
1	Số 02/2015/134627/HĐTD	49.108.000.000	Thả nổi	60 tháng	Dự án đầu tư nâng cao năng lực thiết bị thí công năm 2015 - Giai đoạn 2	Toàn bộ tài sản hình thành từ dự án	29.393.102.316	12.964.000.000
2	Số 01/2013/HĐTD	88.982.600.000	Thả nổi	96 tháng	Mua sắm tài sản	Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự được hình thành trong tương lai; số dư tiền gửi từ hoạt động sản xuất kinh doanh bằng VNĐ và ngoại tệ tại Ngân hàng và các TCTD khác; doanh thu chuyển về tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng.	21.935.842.316	8.000.000.000
<b>II Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng</b>								
1	Hợp đồng vay trung hạn và các khế ước nhận nợ	538.306.843.456	Thả nổi	60 tháng	Phục vụ dự án khu đô thị mới Thịnh Liệt và mua sắm tài sản	Toàn bộ tài sản thuộc Dự án đã hình thành và hình thành trong tương lai.	125.945.089.674	125.945.089.674
							125.945.089.674	125.945.089.674

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**Thông tin liên quan đến khoản vay bên thứ ba**

(1) Hợp đồng tín dụng số 18/2011/HĐTĐ/TĐSD-LICOGI ký ngày 30/12/2011 giữa Tổng Công ty và Tổng Công ty Sông Đà với số tiền 20.000.000.000 đồng cho mục đích đầu tư thực hiện Dự án Thủy điện Bắc Hà. Thời hạn vay là 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất 20%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng CP của một số đơn vị do Tổng Công ty nắm giữ. Khoản vay này đã đáo hạn. Số dư nợ gốc tính đến ngày 30/06/2019 là 16.815.763.516 đồng.

(2) Các khoản vay ngắn hạn khác chủ yếu bao gồm các khoản vay từ cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty để bổ sung vốn lưu động, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty hoặc triển khai đầu tư các dự án xây dựng (Dự án KĐTMT Thịnh Liệt). Lãi suất cho vay được áp dụng theo mức lãi suất Ngân hàng cho Tổng Công ty vay tại thời điểm vay vốn và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng. Trong năm, mức lãi suất chủ yếu được áp dụng là 9%/năm. Các khoản vay có thời hạn vay dưới 12 tháng. Số dư nợ gốc tính đến thời điểm 30/06/2019 là 61.646.288.797 đồng.

(3) Hợp đồng vay số 02/2017/HĐVV/LICOGI-XUAN CAU kí ngày 18/12/2017 giữa Tổng Công ty và Công ty CP Đầu tư Xuân Cầu nhằm phục vụ thanh toán nợ đến hạn ngân hàng và các khoản nợ đến hạn khác của Tổng Công ty. Thời hạn vay là 09 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay tại thời điểm hiện tại là 14,5%/năm. Tài sản đảm bảo là 12.000.000 cổ phiếu Công ty CP Cơ khí Đông Anh. Số dư nợ vay đến thời điểm 30/06/2019 là 85.000.000.000 tỷ đồng.

(4) Hợp đồng vay số 304\_2018/HĐV\_LICOGI kí ngày 31/05/2018 giữa Tổng Công ty và ông Nguyễn Xuân Thắng nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày toàn bộ các khoản vay quy định trong hợp đồng được chuyển đầy đủ vào tài khoản cho Tổng Công ty. Tài sản đảm bảo là 2.563.566 cổ phiếu thuộc sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty CP Cơ giới và xây lắp số 9 (Licogi 9). Lãi suất vay tại thời điểm hiện tại là 9%/năm. Số dư nợ vay đến thời điểm 30/06/2019 là 20.000.000.000 đồng.

(5) Hợp đồng vay số 10\_2019/HĐV\_LICOGI kí ngày 22/04/2019 giữa Tổng Công ty và Công ty CP AZURA nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thông thường. Thời hạn vay là từ ngày 22/04/2019 đến ngày 22/07/2019. Tài sản đảm bảo là 28.650.727 cổ phiếu công ty CP Thủy điện Bắc Hà, 2.641.537 cổ phiếu công ty CP Licogi 14 và 2.717.573 cổ phiếu công ty CP Licogi 13. Giá trị cổ phiếu là 610.282.747.060 đồng. Lãi suất vay tại ngày ký hợp đồng là 14%/năm. Số dư nợ vay tại thời điểm 30/06/2019 là 217.500.000.000 đồng.

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	900.000.000.000	(395.480.145.518)	504.519.854.482
Lãi trong kỳ trước	-	2.599.828.029	2.599.828.029
Số dư cuối kỳ trước	<u>900.000.000.000</u>	<u>(392.880.317.489)</u>	<u>507.119.682.511</u>
Số dư đầu năm nay	900.000.000.000	(394.188.815.974)	505.811.184.026
Lãi trong kỳ này	-	1.674.801.648	1.674.801.648
Số dư cuối kỳ này	<u>900.000.000.000</u>	<u>(392.514.014.326)</u>	<u>507.485.985.674</u>



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC)	40,71%	366.406.910.000	40,71%	366.406.910.000
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Khu Đông	35,00%	315.000.000.000	35,00%	315.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Gia Cường	19,24%	173.128.880.000	19,24%	173.128.880.000
Các cổ đông khác	5,05%	45.464.210.000	5,05%	45.464.210.000
	<b>100%</b>	<b>900.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>900.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	06 tháng đầu năm 2019 VND	06 tháng đầu năm 2018 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	900.000.000.000	900.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>900.000.000.000</i>	<i>900.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>900.000.000.000</i>	<i>900.000.000.000</i>

**d) Cổ phiếu**

	30/06/2019	01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.000.000	90.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	90.000.000	90.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>90.000.000</i>	<i>90.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.000.000	90.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>90.000.000</i>	<i>90.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****a) Tài sản thuê ngoài**

Tổng Công ty ký hợp đồng với Sở địa chính - Nhà đất Hà Nội theo hợp đồng thuê đất số 146-2003/ĐCND-HĐTĐTN tại nhà G1, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân, Hà Nội để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và điều hành sản xuất trong 30 năm từ ngày 01/01/2003. Diện tích khu đất thuê là 1.928 m<sup>2</sup>. Theo hợp đồng này, Tổng Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**b) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2019	01/01/2019
- Đồng Yên Nhật (JPY)	161.278,00	341,99

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, vật liệu xây dựng	178.123.232.589	6.603.385.524
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.353.815.967	1.970.528.440
Doanh thu hợp đồng xây dựng	47.842.277.680	70.521.124.500
	<b>227.319.326.236</b>	<b>79.095.038.464</b>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<b>115.566.764.947</b>	<b>15.922.986.500</b>

**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa, vật liệu xây dựng	179.531.354.616	10.382.227.322
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.028.505.170	1.291.399.053
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	50.326.518.111	68.211.419.226
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(414.853.237)
	<b>230.886.377.897</b>	<b>79.470.192.364</b>

**25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	13.389.637.583	9.186.536.485
Cổ tức, lợi nhuận được chia	62.709.073.029	69.366.694.001
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	1.379.851
	<b>76.098.710.612</b>	<b>78.554.610.337</b>
Doanh thu hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<b>74.354.964.643</b>	<b>76.941.978.850</b>

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Lãi tiền vay	42.114.447.896	48.283.441.826
Dự phòng giảm giá tổn thất đầu tư	3.548.783.920	(275.412.947)
	<b>45.663.231.816</b>	<b>48.008.028.879</b>
Chi phí hoạt động tài chính đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	<b>9.765.241.001</b>	<b>3.800.562.615</b>



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	716.003.287	966.437.200
Chi phí nhân công	9.268.134.524	11.353.791.761
Chi phí khấu hao tài sản cố định	697.643.740	2.340.856.413
Thuế, phí, lệ phí	281.921.924	617.246.512
Hoàn nhập dự phòng	(991.885.423)	(753.828.804)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.449.957	51.006.710
Chi phí khác bằng tiền	4.484.091.890	4.073.584.453
	<b>14.478.359.899</b>	<b>18.649.094.245</b>

**28 . CHI PHÍ KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Các khoản bị phạt	1.132.075.254	147.345.684
Khấu hao tài sản đang dùng ngừng hoạt động	9.585.917.607	8.775.159.600
	<b>10.717.992.861</b>	<b>8.922.505.284</b>

**29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.674.801.648	2.599.828.029
Các khoản điều chỉnh tăng	28.605.686.401	7.053.404.986
- Chi phí không hợp lệ	28.605.686.401	7.053.404.986
Các khoản điều chỉnh giảm	(61.954.244.229)	(69.366.694.001)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(61.954.244.229)	(69.366.694.001)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(31.673.756.180)	(59.713.460.986)
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.171.464.234	1.171.464.234
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ</b>	<b>1.171.464.234</b>	<b>1.171.464.234</b>

**30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.817.027.962	9.028.626.151
Chi phí nhân công	15.533.939.019	14.161.556.431
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.039.292.343	14.561.843.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.426.056.323	50.839.662.319
Dự phòng phải thu khó đòi	(991.885.423)	(753.828.804)
Chi phí khác bằng tiền	8.782.578.448	8.869.972.853
	<b>68.607.008.672</b>	<b>96.707.832.929</b>

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.851.971.636	-	11.750.487.921	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	854.271.087.486	(91.840.887.752)	760.686.639.012	(93.935.621.459)
Các khoản cho vay	1.600.000.000	-	1.930.000.000	-
Đầu tư dài hạn	44.206.739.792	(15.549.664.792)	44.206.739.792	(19.911.405.092)
	<b>904.929.798.914</b>	<b>(107.390.552.544)</b>	<b>818.573.866.725</b>	<b>(113.847.026.551)</b>
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Vay và nợ			1.241.308.887.862	1.209.243.305.222
Phải trả người bán, phải trả khác			856.111.390.824	837.795.644.577
Chi phí phải trả			117.453.648.924	103.506.819.401
			<b>2.214.873.927.610</b>	<b>2.150.545.769.200</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**Rủi ro về giá:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>				
Đầu tư dài hạn	-	28.657.075.000	-	28.657.075.000
	<u>-</u>	<u>28.657.075.000</u>	<u>-</u>	<u>28.657.075.000</u>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Đầu tư dài hạn	-	24.295.334.700	-	24.295.334.700
	<u>-</u>	<u>24.295.334.700</u>	<u>-</u>	<u>24.295.334.700</u>

**Rủi ro về tỷ giá hối đoái:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

**Rủi ro về lãi suất:**

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.851.971.636	-	-	4.851.971.636
Phải thu khách hàng, phải thu khác	762.430.199.734	-	-	762.430.199.734
Các khoản cho vay	1.600.000.000	-	-	1.600.000.000
	<u><b>768.882.171.370</b></u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u><b>768.882.171.370</b></u>
	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.750.487.921	-	-	11.750.487.921
Phải thu khách hàng, phải thu khác	666.751.017.553	-	-	666.751.017.553
Các khoản cho vay	1.930.000.000	-	-	1.930.000.000
	<u><b>680.431.505.474</b></u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u><b>680.431.505.474</b></u>



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2019</b>				
Vay và nợ	1.224.879.785.546	16.429.102.316	-	1.241.308.887.862
Phải trả người bán, phải trả khác	543.612.826.109	312.498.564.715	-	856.111.390.824
Chi phí phải trả	117.453.648.924	-	-	117.453.648.924
	<b><u>1.885.946.260.579</u></b>	<b><u>328.927.667.031</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.214.873.927.610</u></b>
<b>Tại ngày 01/01/2019</b>				
Vay và nợ	1.185.872.395.710	23.370.909.512	-	1.209.243.305.222
Phải trả người bán, phải trả khác	525.297.079.862	312.498.564.715	-	837.795.644.577
Chi phí phải trả	103.506.819.401	-	-	103.506.819.401
	<b><u>1.814.676.294.973</u></b>	<b><u>335.869.474.227</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>2.150.545.769.200</u></b>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**32 . KIẾN TỤNG, TRANH CHẤP PHÁP LÝ**

Trong năm 2013, Công ty TNHH MTV Xây dựng Lũng Lô ("Công ty Lũng Lô") đã khởi kiện Tổng Công ty liên quan đến khoản tiền mà Công ty Lũng Lô đã ứng trước cho Tổng Công ty để thực hiện dự án đề chắn sóng Nhà máy lọc dầu Dung Quất theo hợp đồng số 08.1/HĐKT - LCC-Licogi.

Theo bản án sơ thẩm số 06/2013/KDTM-ST ngày 06/08/2013 của Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, Tổng Công ty phải hoàn trả Công ty Lũng Lô số tiền 19.036.257.000 đồng. Tuy nhiên, theo bản án phúc thẩm số 10/2014/KDTM-PT ngày 23/01/2014 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, bản án sơ thẩm bị hủy, tòa trả lại đơn kiện cho Công ty Lũng Lô và đình chỉ vụ án.

Theo quyết định giám đốc thẩm số 02/2016.KDTM-GDT ngày 22/01/2016 của Ủy ban thẩm phán Tòa án Nhân dân cấp cao Hà Nội, bản án phúc thẩm bị hủy bỏ và hồ sơ vụ kiện được chuyển về Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân để giải quyết tiếp. Theo bản án số 15/2017/KDTM-ST ngày 14/09/2017 của Tòa án Nhân dân Quận Thanh Xuân - Thành phố Hà Nội, Tổng Công ty phải hoàn trả Công ty Lũng Lô 19.206.866.091 đồng. Tuy nhiên, ngày 25/09/2017 Tổng Công ty đã làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án Nhân dân quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội kháng cáo toàn bộ Bản án nêu trên và đang chờ các bên liên quan giải quyết.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã có quyết định theo bản án số 101/2018/KDTM - PT ngày 14 tháng 08 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng xây dựng tuy nhiên đến ngày 23 tháng 01 năm 2019, Tổng Công ty có đơn đề nghị xem xét bản án theo thủ tục giám đốc thẩm và hoãn thi hành án và đã được chấp thuận theo quyết định số 02/QĐ-CCTHADS ngày 30 tháng 01 năm 2019 của Chi Cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân và giấy biên nhận đơn đề nghị xem xét lại bản án kinh doanh thương mại của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 25 tháng 04 năm 2019.

Tại ngày 30/06/2019, Tổng Công ty đang ghi nhận khoản phải trả cho Công ty Lũng Lô là 30.707.123.540 đồng. Tổng Công ty sẽ xử lý các khoản phải trả này khi có quyết định cuối cùng của tòa án.

**33 . NHỮNG SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

**34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Tổng Công ty như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty CP Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh	Công ty con
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	Công ty con
Công ty CP Tư vấn Licogi	Công ty con
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	Công ty con
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	Công ty con
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	Công ty con
Công ty CP Licogi 15	Công ty con
Công ty CP Licogi 17	Công ty con
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	Công ty con
Công ty CP Lắp máy Điện nước	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	Công ty con
Công ty CP Licogi 14	Công ty liên kết
Công ty CP Licogi 19	Công ty liên kết
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh và BĐS Khu Đông	Cổ đông lớn



**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
<b>Doanh thu bán hàng hóa dịch vụ</b>	<b>115.566.764.947</b>	<b>15.922.986.500</b>
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	40.120.603.184	2.165.496.409
Công ty CP Kỹ thuật nền móng và xây dựng 20	-	864.545
Công ty CP Licogi 17	54.740.444.327	9.919.510.044
Công ty CP Tư vấn Licogi	-	9.648.000
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	-	3.019.510.486
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	17.945.550.000	742.502.470
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	-	65.454.546
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	2.760.167.436	-
<b>Chi phí lãi vay</b>	<b>9.765.241.001</b>	<b>3.800.562.615</b>
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	3.229.887.576	3.800.562.615
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	942.191.781	-
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh và BĐS Khu Đông	5.593.161.644	-
<b>Thu lãi cho vay</b>	<b>13.362.698.114</b>	<b>9.148.304.849</b>
Công ty CP Lắp máy Điện nước	417.674.789	-
Công ty CP Licogi 15	92.625.000	-
Công ty TNHH MTV Nhà ở và đô thị LICOGI	12.852.398.325	9.148.304.849
<b>Cổ tức, lợi nhuận được chia</b>	<b>60.992.266.529</b>	<b>67.793.674.001</b>
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	-	202.572.000
Công ty CP Đầu tư xây lắp và Vật liệu xây dựng Đông Anh	917.740.800	1.529.568.000
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	48.316.975.000	55.219.400.000
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	2.563.566.000	2.563.566.000
Công ty CP Tư vấn Licogi	144.000.000	144.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	4.683.022.279	8.134.568.001
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	4.366.962.450	-
<b>Góp vốn đầu tư</b>	<b>-</b>	<b>28.328.596.000</b>
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	-	4.554.760.000
Công ty CP Licogi 14	-	23.773.836.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>45.391.022.570</b>	<b>37.427.950.914</b>
Công ty CP Licogi 15	32.118.558	32.118.558
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	30.541.154.519	30.541.154.519
Công ty Cổ phần Licogi 10	8.089.532.656	-
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	1.381.840.156	1.381.840.156
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	427.246.063	427.246.063
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	4.919.130.618	5.045.591.618

**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh  
Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán (tiếp theo):

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>	<b>50.246.236.960</b>	<b>50.096.862.027</b>
Công ty CP Licogi 15	10.129.062.752	9.836.437.752
Công ty CP Lắp máy Điện nước	36.421.384.631	36.499.176.131
Công ty CP Licogi 19	3.695.789.577	3.695.789.577
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	-	65.458.567
<b>Phải thu về cho vay</b>	<b>1.600.000.000</b>	<b>1.600.000.000</b>
Công ty CP Lắp máy Điện nước	1.600.000.000	1.600.000.000
<b>Phải thu tạm ứng cho các bên liên quan</b>	<b>18.610.760.617</b>	<b>16.761.821.376</b>
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	69.910.000	69.910.000
Công ty CP Licogi 15	1.604.921.118	1.604.921.118
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	11.529.597.931	11.529.597.931
Công ty CP Lắp máy Điện nước	3.792.917.949	2.601.972.708
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	457	242.006.457
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	900.000.000	-
Công ty CP Licogi 19	713.413.162	713.413.162
<b>Cổ tức phải thu</b>	<b>54.891.457.450</b>	<b>2.207.520.000</b>
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	48.316.975.000	-
Công ty CP Thủy điện Bắc Hà	4.366.962.450	-
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	2.207.520.000	2.207.520.000
<b>Phải thu CP hóa các công ty con, liên kết</b>	<b>4.545.190.796</b>	<b>4.545.190.796</b>
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	916.975.210	916.975.210
Công ty CP Lắp máy Điện nước	3.916.293	3.916.293
Công ty CP Licogi 19	3.624.299.293	3.624.299.293
<b>Phải thu khác</b>	<b>250.115.838.108</b>	<b>234.346.889.783</b>
Công ty TNHH MTV Nhà ở và Đô thị Licogi	232.435.076.147	216.666.127.822
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	17.680.761.961	17.680.761.961
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>150.974.365.354</b>	<b>152.526.515.514</b>
Công ty CP Tư vấn Licogi	1.682.522.286	1.682.522.286
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	66.077.244.968	59.139.648.044
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	6.915.433.684	6.915.433.684
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	18.735.241.874	22.614.064.828
Công ty CP Licogi 17	27.775.149.638	32.286.073.738
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	27.302.859.824	27.402.859.854
Công ty CP Lắp máy Điện nước	1.013.804.678	1.013.804.678
Công ty CP Licogi 14	1.432.899.716	1.432.899.716
Công ty CP Licogi 15	39.208.686	39.208.686
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>2.286.267.004</b>	<b>2.323.262.679</b>
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	1.199.874.499	2.323.262.679
Công ty Cổ phần Licogi Quảng Ngãi	370.000.000	-
Công ty Cổ phần Licogi 17	716.392.505	-
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>213.218.730.957</b>	<b>203.395.443.286</b>
Công ty CP Cơ khí Đông Anh Licogi	71.378.730.957	71.378.730.957
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	121.840.000.000	111.340.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	20.000.000.000	20.676.712.329





**TỔNG CÔNG TY LICOGI - CTCP**

Nhà G1, số 491 Đường Nguyễn Trãi, Phường Thanh Xuân Nam, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán (tiếp theo):


	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Phải trả khác</b>	<b>69.118.904.110</b>	<b>67.500.000.000</b>
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	7.500.000.000	7.500.000.000
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	1.618.904.110	-
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	60.000.000.000	60.000.000.000
<b>Chi phí phải trả</b>	<b>67.323.000.381</b>	<b>55.574.601.228</b>
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 9	-	243.317.830
Công ty CP Cơ giới và Xây lắp số 10	127.981.856	127.981.856
Công ty CP Licogi 15	5.295.644.840	5.295.644.840
Công ty CP Kỹ thuật Nền móng và Xây dựng 20	23.612.807.759	20.553.597.770
Công ty CP Cơ khí Đông anh Licogi	3.388.387.576	176.344.683
Công ty CP Lắp máy điện nước	26.662.819.052	26.600.459.802
Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng Licogi số 2	113.336.639	113.336.639
Công ty CP Licogi Quảng Ngãi	64.943.207	-
Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh BĐS Khu Đông	8.057.079.452	2.463.917.808

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	06 tháng đầu năm 2019	06 tháng đầu năm 2018
	VND	VND
Thu nhập của Tổng Giám đốc	360.000.000	112.988.979
Thu nhập của thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	937.500.000	515.942.493

**35 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018.



**Trần Thị Thu Hằng**  
Người lập



**Nguyễn Anh Dũng**  
Kế toán trưởng




**Phan Thanh Hải**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 08 năm 2019